

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018
quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá;
bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá,
tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá**

(Tiếp theo Công báo số 153 + 154)

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU

CÔNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Mẫu số 01.CN: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá.

Mẫu số 02. CN: Biên bản kiểm tra cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá.

Mẫu số 03.CN: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá.

Mẫu số 04.CN: Dấu kỹ thuật, ấn chỉ nghiệp vụ đăng kiểm tàu cá và nguyên tắc sử dụng.

Mẫu số 05.CN: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá.

Mẫu số 01.CN

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở đề nghị:

Địa chỉ:

Giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:.....

..... Tên cơ quan cấp:..... Ngày cấp:.....

Điện thoại..... Fax..... Email

Hồ sơ gửi kèm, gồm:

.....

Đề nghị quý cơ quan tiến hành kiểm tra, đánh giá và công nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá loại.....

CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ
(Ký tên và đóng dấu)

MẪU BIÊN BẢN
KIỂM TRA CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

(CƠ QUAN KIỂM TRA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
Kiểm tra cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở kiểm tra:**
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:..... Email:
- Văn bản thành lập số
..... Tên cơ quan cấp:..... Ngày cấp:
- Người đại diện của cơ sở:..... Chức vụ:.....
- Ngày đề nghị kiểm tra:
- Đề nghị công nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá loại.....
- 2. Thành phần Đoàn kiểm tra:**..... Chức vụ:
-
-

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ:

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
1	Văn bản thành lập:.....			
2	Thiết bị nhập và lưu trữ dữ liệu; mạng và đường truyền dữ liệu			
3	Dụng cụ, trang thiết bị phục vụ kiểm tra kỹ thuật (có danh sách kèm theo)			
4	Bảng niêm yết công khai về quy trình kiểm tra; biểu giá, phí kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá			
5	Người đứng đầu cơ sở đăng kiểm:			
5a	Trình độ chuyên môn:.....			
5b	Hạng đăng kiểm viên:.....			
6	Đội ngũ Đăng kiểm viên (có danh sách kèm theo):			
6a	Số ĐKV hạng I (theo chuyên môn):.....			

6b	Số ĐKV hạng II (theo chuyên môn):.....			
6c	Số ĐKV hạng III (theo chuyên môn):.....			
7	Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.			

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM^(*)

(Kể từ ngày được công nhận hoặc được kiểm tra duy trì điều kiện trước đó)

1. Về thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản.
2. Về giám sát đóng mới, cải hoán.
3. Về kiểm tra hàng năm, trên đà, định kỳ.
4. Về các nhiệm vụ khác.

IV. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....

.....

.....

.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: () Chỉ áp dụng khi kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở đăng kiểm.*

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**
TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY SẢN

CHỨNG NHẬN:

Tên cơ sở:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:
Người đại diện
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân.....
Là Cơ sở đăng kiểm tàu cá loại
Giấy chứng nhận có hiệu lực từ ngày.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Ký tên & đóng dấu)

Số: /20.../GCN-TCTS

(Đã cấp lần..... ngày:.....)

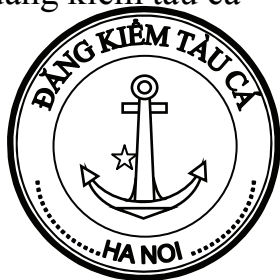
Mẫu số 04.CN

MẪU DẤU, ÁN CHỈ NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG

I. MẪU DẤU KỸ THUẬT

1. Mẫu dấu 1a:

Mẫu dấu kỹ thuật của cơ sở
đăng kiểm tàu cá



Quy cách: Dấu hình tròn, có 03 vòng tròn đồng tâm: vòng tròn 1 có đường kính 35 mm, bề dày 0,2 mm; vòng tròn 2 cách vòng tròn 1 (về phía trong) bằng 0,5 mm, có bề dày 0,1 mm; vòng tròn 3 cách vòng tròn 2 (về phía trong) bằng 4 mm, có bề dày 0,1 mm; ở giữa là hình neo hải quân; giữa vòng tròn 2 và 3 có dòng chữ “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ - VFR” ở phía trên và tên cơ sở đăng kiểm ở phía dưới bằng tiếng Việt, phông chữ Times New Roman cỡ 10.

2. Mẫu dấu 1b: Dấu đóng trên hồ sơ thiết kế kỹ thuật được thẩm định

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
SỐ : NGÀY THẨM ĐỊNH:.....

Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phông chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “THIẾT KẾ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH”, phông chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ” hàng chữ thứ 2 “NGÀY THẨM ĐỊNH”) phông chữ Times New Roman cỡ 8).

3. Mẫu dấu 1c: Dấu đóng trên hồ sơ kỹ thuật (đối với trường hợp đóng mới không có giám sát của Đăng kiểm tàu cá hoặc tổ chức đăng kiểm khác được đăng kiểm tàu cá ủy quyền).

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ HỒ SƠ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
SỐ:..... NGÀY THẨM ĐỊNH:.....

Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phong chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “THIẾT KẾ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH”, phong chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ” hàng chữ thứ 2 “NGÀY THẨM ĐỊNH”) phong chữ Times New Roman cỡ 8).

4. Mẫu dấu 1d: Dấu đóng trên hồ sơ hoàn công (đối với trường hợp sau khi đóng mới có thay đổi với hồ sơ thiết kế đóng mới được thẩm định).

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ HỒ SƠ HOÀN CÔNG ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
SỐ:..... NGÀY THẨM ĐỊNH:.....

Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phong chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “HỒ SƠ HOÀN CÔNG ĐƯỢC THẨM ĐỊNH”, phong chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ” hàng chữ thứ 2 “NGÀY THẨM ĐỊNH”) phong chữ Times New Roman cỡ 8).

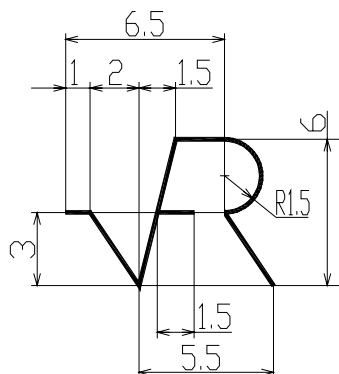
5. Mẫu dấu 1đ: Dấu đóng trên hồ sơ sao duyệt (đối với trường hợp sao duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được thẩm định).

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ SAO DUYỆT HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
SỐ SAO DUYỆT:..... NGÀY SAO DUYỆT:..... THIẾT KẾ ĐƯỢC SAO DUYỆT:.....

Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phong chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “SAO DUYỆT HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT”, phong chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 3 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ SAO DUYỆT”,

hàng chữ thứ 2 “NGÀY SAO DUYỆT”, hàng thứ 3 “THIẾT KẾ ĐƯỢC SAO DUYỆT”) phông chữ Times New Roman cỡ 8).

II. MẪU ẤN CHỈ VÀ BỘ SỐ

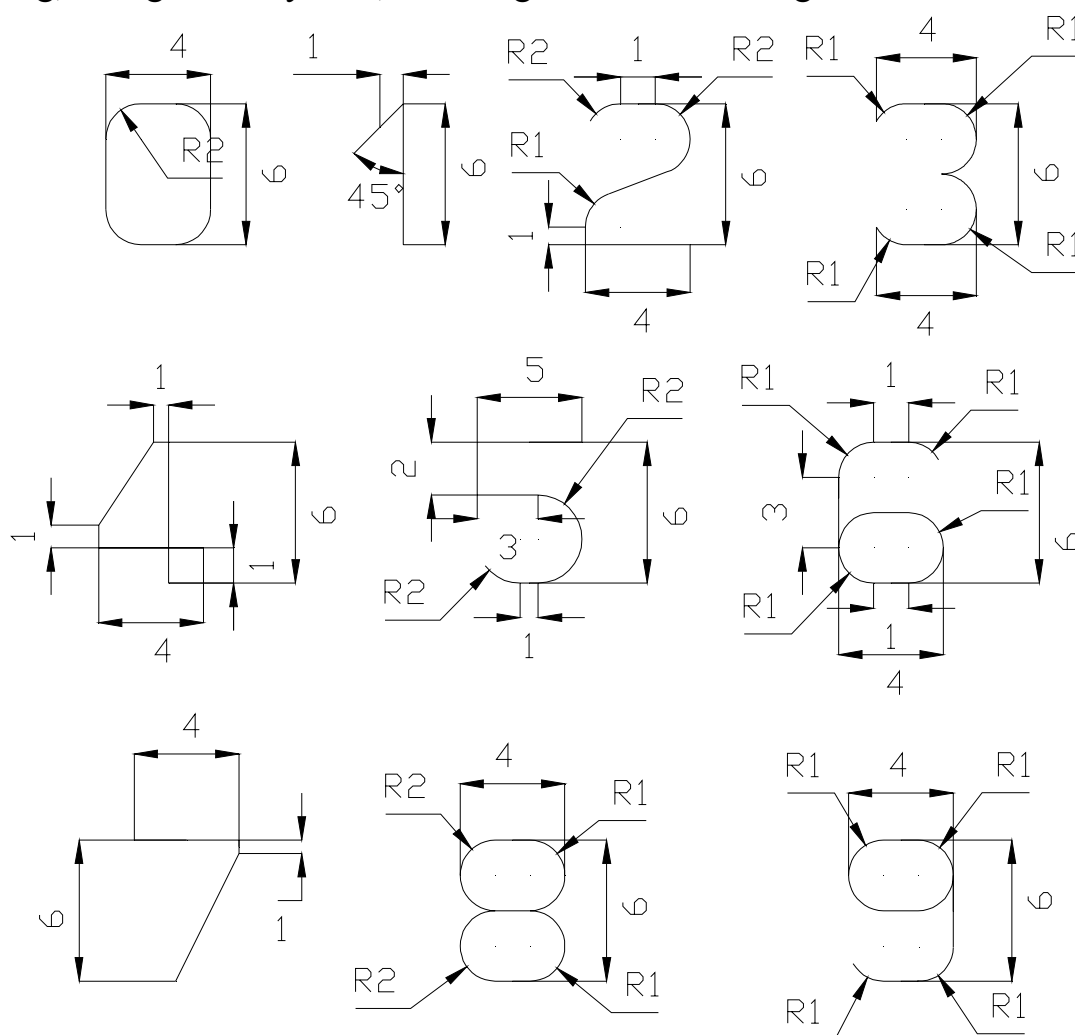


1. Mẫu ấn chỉ: Đóng chìm trên máy móc, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu được đăng kiểm kiểm tra.

Quy cách: Ấn chỉ là biểu tượng cách điệu các chữ cái VFR (Việt Nam Fishing vessel Register) có kích thước như hình bên.

2. Bộ số

Số đóng chìm trên máy móc, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu nhằm đánh dấu số lượng, chủng loại máy móc, các trang thiết bị được đăng kiểm kiểm tra.



Quy cách: Bộ số gồm 10 chữ số từ số 0 đến số 9, có kích thước như hình trên.

III. NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG DẤU, ẤN CHỈ NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

1. Dấu, ấn chỉ nghiệp vụ chỉ được sử dụng trong công tác kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật tàu cá, các trang thiết bị lắp đặt, sử dụng trên tàu cá.
 2. Không được đóng dấu vào văn bản, giấy tờ không có nội dung; đóng dấu trước khi ký.
 3. Dấu đóng phải đúng chiều, ngay ngắn, rõ ràng; phải được đóng trùm lên khoảng 1/3 chữ ký về bên trái.
 4. Sử dụng mực xanh khi đóng dấu nghiệp vụ.
-

Mẫu số 05.CN

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở đề nghị:

Địa chỉ:

Giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

.....

Tên cơ quan cấp:..... Ngày cấp:.....

Giấy chứng nhận đã được cấp số:..... ngày

Lý do đề nghị cấp lại:

Bị mất ☐ Hư hỏng ☐ Thay đổi thông tin ☐

Các thông tin thay đổi (nếu có)

Hồ sơ gửi kèm, gồm:

.....

Đề nghị cơ quan thẩm quyền kiểm tra, đánh giá và cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá loại.....

CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục IV
TRANG THIẾT BỊ AN TOÀN ĐỐI VỚI TÀU CÁ
CÓ CHIỀU DÀI DƯỚI 12 MÉT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TT	Tên thiết bị	Số lượng/quy cách	Vị trí lắp đặt
I	Trang bị cứu sinh		
1	Phao tròn	2 chiếc	02 bên mạn tàu
2	Phao áo	Đủ 100% thuyền viên + (Dự trữ 10% hoặc 1 cái)	Giường ngủ thuyền viên và cabin
II	Trang bị VTĐ		
1	Máy thu phát VHF hai chiều từ 15w trở lên	1 chiếc	Cabin
2	Máy thu chuyên dụng thông tin dự báo thiên tai (SSB) hoặc ra đi ô trực canh nghe thông báo thời tiết	1 chiếc	Cabin
III	Trang bị hàng hải		
1	La bàn từ lái hoặc la bàn từ chuẩn	1 chiếc	Cabin
2	Dụng cụ đo sâu bằng tay (dây, sào đo)	1 chiếc	-
IV	Trang bị tín hiệu		
1	Đèn mạn		
	+ Xanh	1 đèn	Mạn phải
	+ Đỏ	1 đèn	Mạn trái
2	Đèn cột (trắng) chiếu 04 phía	1 đèn	Mặt phẳng dọc tâm tàu
3	Đèn hiệu đánh cá: Xanh, đỏ, trắng	Khuyến khích trang bị	
4	Vật hiệu đánh cá: Hình nón đen	Khuyến khích trang bị	
V	Trang bị cứu hỏa		
3	Chăn 1,2 mét x 2 mét	1 chiếc	
4	Xô 5 lit có dây	1 chiếc	

VI	Trang bị chống đắm, chống thủng		
1	Nêm gỗ	05 đến 10 chiếc	Chỗ dễ lấy
2	Giẻ lau	02 kg	Chỗ dễ lấy
3	Vải bạt	Khuyến khích trang bị	
VII	Trang bị y tế		
	Túi thuốc cấp cứu	Khuyến khích trang bị	

Chú thích: (*) Trang thiết bị an toàn phải thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu cá - QCVN 02-21:2015/BNNPTNT.

Phụ lục V
QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TÀU CÁ VÀ
CÁC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CÓ LIÊN QUAN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	TÊN GỌI	KÝ HIỆU
I	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tàu cá	
1	Quy phạm phân cấp và đóng tàu cá biển cỡ nhỏ	TCVN 7111:2002
2	Quy phạm phân cấp và đóng tàu cá biển	TCVN 6718:2000
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu cá	QCVN 02-21:2015/BNNPTNT
II	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan	
1	Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép	QCVN 21:2015/BGTVT
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và đóng tàu làm bằng chất dẻo cốt sợi thủy tinh	QCVN 56: 2013/BGTVT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra và đóng tàu biển vỏ gỗ	QCVN 92: 2015/BGTVT
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển	QCVN 23:2016/BGTVT
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống làm lạnh hàng.	QCVN 59: 2013/BGTVT
6	Quy chuẩn kiểm tra sản phẩm công nghiệp tàu biển	QCVN 64: 2013/BGTVT
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu	QCVN 26: 2016/BGTVT
8	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ xi măng lưới thép	QCVN 51:2012/BGTVT
9	Tiêu chuẩn phao tròn cứu sinh	TCVN 7283:2003
10	Tiêu chuẩn phao áo cứu sinh	TCVN 7282:2003

Chú thích:

Trường hợp các quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật nêu trên được bổ sung sửa đổi, hoặc quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan được cấp có thẩm quyền ban hành mới sau ngày Thông tư này có hiệu lực, thì các bổ sung sửa đổi hoặc các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật mới đó sẽ được áp dụng trong hoạt động đăng kiểm tàu cá.

Phụ lục VI
CÁC BIỂU MẪU VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN KỸ THUẬT
TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

- Mẫu số 01.BĐ: Đơn đề nghị thẩm định thiết kế tàu cá/tàu kiểm ngư
- Mẫu số 02.BĐ: Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá/tàu kiểm ngư
- Mẫu số 03.BĐ: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu kiểm ngư
- Mẫu số 04a.BĐ: Mẫu biên bản kiểm tra kỹ thuật hàng năm/trên đà
- Mẫu số 04b.BĐ: Mẫu biên bản kiểm tra kỹ thuật lần đầu/định kỳ
- Mẫu số 04c.BĐ: Mẫu biên bản kiểm tra kỹ thuật cải hoán
- Mẫu số 04d.BĐ: Mẫu biên bản kiểm tra từng phần
- Mẫu số 04đ.BĐ: Mẫu biên bản thử nghiêng ngang
- Mẫu số 04e.BĐ: Mẫu biên bản kiểm tra chạy thử máy chính tại bến
- Mẫu số 04g.BĐ: Mẫu biên bản thử đường dài - xuất xưởng
- Mẫu số 04h.BĐ: Mẫu bảng ghi kết quả đo tốc độ tàu
- Mẫu số 04i.BĐ: Mẫu bảng ghi kết quả đo quán tính tàu
- Mẫu số 04k.BĐ: Mẫu bảng ghi kết quả đo tính năng quay trở của tàu
- Mẫu số 04l.BĐ: Mẫu biên bản kiểm tra chạy thử máy chính đường dài
- Mẫu số 04m.BĐ: Mẫu biên bản kiểm tra chạy thử cụm máy phụ lái máy phát điện
- Mẫu số 04n.BĐ: Mẫu bảng ghi kết quả chạy thử thiết bị neo
- Mẫu số 05.BĐ: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu kiểm ngư
- Mẫu số 06.BĐ: Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu kiểm ngư

Mẫu số 01.BĐ

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ

Kính gửi:

Đơn vị thiết kế:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Chúng tôi đề nghị được thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá/tàu kiểm ngư với các thông tin như sau:

- Tên/Ký hiệu thiết kế: Loại/năm thiết kế:

- Các thông số chính của tàu:

+ Chiều dài tàu L_{max} (m): ; Chiều rộng tàu B_{max} (m):+ Chiều cao mạn, D (m): ; Vật liệu thân tàu :

+ Ký hiệu máy: ; Công suất máy chính (KW):

+ Số lượng máy (chiếc): ; Kiểu và công dụng của tàu:

- Tên/địa chỉ chủ sử dụng thiết kế:

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định hiện hành.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02.BĐ

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ**TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ**

Căn cứ()...và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước
Theo đề nghị thẩm định thiết kế số.....ngày.....tháng.....nămcủa.....*

**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
CHỨNG NHẬN**

Tên thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:.....

Loại thiết kế:

Năm thiết kế:.....

Vật liệu thân tàu:

Kích thước cơ bản (m): Lmax: ; Bmax: ; Dmax:

Ltk: ; Btk: ; d:

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW):; Số thuyền viên:

Ký hiệu máy chính:

Công suất (KW): Số lượng (chiếc):.....

Đã được thiết kế phù hợp với các yêu cầu của.....(*)...và các quy chuẩn, tiêu
chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Cấp tàu: Vùng hoạt động:.....

Nơi đóng:

Chủ sử dụng thiết kế:.....

Địa chỉ:

Hiệu lực của phiếu thẩm định này là 5 năm kể từ ngày ký, nếu không có thay đổi
theo thiết kế đã được thẩm định.

Những lưu ý:.....

Cán bộ thẩm định kỹ thuật:.....

.....

Cấp tại ngày

Nơi nhận :

- Chủ thiết kế (02 bản);
- Đơn vị giám sát (01 bản);
- Lưu đơn vị thẩm định.

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH*(ký tên, đóng dấu)*

Chú thích: () : Ghi rõ quy phạm áp dụng.*

Mẫu số 03.BĐ

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ**

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:.....

Điện thoại.....Fax.....Email.....

Đề nghị quý đơn vị tiến hành kiểm tra(*)..... và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu kiểm ngư.

Kích thước cơ bản (m): Lmax: ; Bmax: ; Dmax:

Ltk:; Btk: ; d:

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW):; Số thuyền viên:

Ký hiệu máy chính :

Công suất (KW):Số lượng (chiếc):.....

Thời gian và địa điểm đề nghị kiểm tra:

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định hiện hành.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Ghi rõ chức danh, ký tên)

(*) Ghi rõ: Kiểm tra đóng mới, lần đầu, định kỳ, trên đà, hàng năm hay bất thường.

Mẫu số 04a.BĐ

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ**

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 20...

Số: /ĐKTC



**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ^(*)**

Tên tàu:	Công dụng (nghề):		
Số đăng ký:	Năm, nơi đóng:		
Chủ tàu:	Địa chỉ:		
Nơi kiểm tra:			
Theo yêu cầu kiểm tra hàng năm/trên đà ^(*) của			
Chúng tôi gồm: 1.			
2.			
3.			
.....			
Là đăng kiểm viên của:			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật hàng năm/trên đà ^(*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần thượng tầng:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn (đánh dấu tàu cá):	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính 1:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức, vòng/phút:		
Công suất, KW:	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính 2:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức, vòng/phút:		
Công suất, KW:	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính....			
Máy phụ 1:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức, vòng/phút:		
Công suất, KW:	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy phụ 2:			
Ký hiệu máy:		Vòng quay định mức, vòng/phút:	
Công suất, KW:		Số máy:	
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ.....			
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ		Thoả mãn	Hạn chế
- Cứu sinh:			
- Tín hiệu:			
- VTĐ:			
- Hàng hải:			
- Neo:			
- Lái:			
- Cứu hoả:			
- Chống thùng, chống chìm:			
- Khai thác:			
- Điện:			
- Lạnh:			
- Các trang thiết bị khác:			
TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu:			
2. Máy chính, máy phụ:			
3. Các trang thiết bị:			
YÊU CẦU CỤ THỂ			
KẾT LUẬN			
Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:			
- Trạng thái kỹ thuật:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngày .../.../20..		Với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:	
Mạn khô, m: ; Sức chở tối đa, tấn:; Số thuyền viên, người:.....			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			
Kết quả kiểm tra được ghi vào trang Sổ Đăng kiểm tàu cá.			
Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, Cơ sở đăng kiểm tàu cá 01 bản			

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Chú thích: () Gạch bỏ chỗ không phù hợp.*

Mẫu số 04b.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT LÀN ĐẦU/ĐÌNH KỶ**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày.....tháng..... năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
LÀN ĐẦU/ĐÌNH KỶ^(*)**

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Nơi đăng ký:	
Chủ tàu:			
Địa chỉ:			
Nơi kiểm tra:			
Kích thước	$L_{max}, m:$	$B_{max}, m:$	$D, m:$
	$L_{TK}, m:$	$B_{TK}, m:$	$d, m:$
Theo yêu cầu kiểm tra đóng mới (làn đầu)/đình kỷ ^(*) của:			
Chúng tôi gồm:			
1.			
2.			
3.			
.....			
Là đăng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm:			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật đóng mới (làn đầu)/đình kỷ ^(*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần thượng tầng:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn (đánh dấu tàu cá):	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Các tính năng kỹ thuật			
- Tốc độ tự do (hải lý/h):			
- Đường kính vòng quay trở: Quay phải (m):.....		Thời gian (s):.....	
Quay trái (m):.....		Thời gian (s):.....	
- Quán tính: Tiến, khoảng cách (m):.....		Thời gian (s):.....	
Lùi, khoảng cách (m):.....		Thời gian (s):.....	
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính 1:			
Ký hiệu máy:	Số máy:	Công suất (N_e , KW):	
Vòng quay định mức n_e , (vòng/phút):	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy chính 2:			
Ký hiệu máy:	Số máy:	Công suất (N _e , KW):	
Vòng quay định mức n _e , (vòng/ phút):	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính.....			
Máy phụ 1:			
Ký hiệu máy:	Công suất, KW:	Số máy:	
Vòng quay định mức, vòng/phút:			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ 2:			
Ký hiệu máy:	Công suất, KW:	Số máy:	
Vòng quay định mức, vòng/phút:			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ.....			
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Cứu sinh:			
- Tín hiệu:			
- VTĐ:			
- Hàng hải:			
- Neo:			
- Lái:			
- Cứu hoả:			
- Hút khô, chống thùng:			
- Khai thác:			
- Điện:			
- Lạnh:			
Các trang thiết bị khác:			
TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu :			
2. Máy chính, máy phụ :			
3. Các trang thiết bị:			
YÊU CẦU CỤ THỂ			

KẾT LUẬN			
Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:			
- Trạng thái kỹ thuật	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngày tháng ... năm 20...với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:			
Mạn khô, m: ; Sức chở tối đa, tấn:; Số thuyền viên, người:			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			
Kết quả kiểm tra được ghi vào trang		Số Đăng kiểm tàu cá	
Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.			

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

Mẫu số 04c.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT CẢI HOÁN**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
CẢI HOÁN****I. TRƯỚC KHI CẢI HOÁN**

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Nơi đăng ký:	
Chủ tàu:		Nơi kiểm tra:	
Kích thước	$L_{\max}, m: \dots\dots\dots$;	$B_{\max}, m: \dots\dots\dots$;	$D, m: \dots\dots\dots$
	$L_{TK}, m: \dots\dots\dots$;	$B_{TK}, m: \dots\dots\dots$;	$d, m: \dots\dots\dots$
Theo yêu cầu kiểm tra:, ngày ... tháng năm 20... của.....			
Chúng tôi gồm:			
Đăng kiểm viên của:			
Đã kiểm tra tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
Phần vỏ:			
Phần thượng tầng.....			

B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG**Máy chính:**

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức (N_e , KW)	Vòng quay định mức n_e , (vòng/ phút)	Năm, nơi chế tạo
1					
2					
...					

Kết quả kiểm tra:.....

Máy phụ:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức (N_e , KW)	Vòng quay định mức n_e , (vòng/ phút)	Năm, nơi chế tạo
1					
2					
...					

Kết quả kiểm tra:.....

Hệ thống phục vụ máy (van, ống, kết, các bơm ...):

Kết quả kiểm tra:

C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT

Kết quả kiểm tra:.....

D. CÁC TRANG THIẾT BỊ

Cứu sinh:

Tín hiệu:

Vô tuyến điện:

Hàng hải:

Neo:

Lái:

Cứu hỏa:

Hút khô, chống thùng:

Khai thác:

Điện:

Lạnh:

Các trang thiết bị khác:

Kết quả kiểm tra:

II. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN**A. THÂN TÀU**

.....

B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG, HỆ TRỤC CHÂN VỊT

.....

C. CÁC TRANG THIẾT BỊ

.....

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐẢNG KIỂM VIÊN VỀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN

.....

III. SAU KHI CẢI HOÁN

Kích thước	$L_{\max}$, m :..... ;	$B_{\max}$, m :..... ;	D , m :.....
	L_{TK} , m :..... ;	B_{TK} , m :..... ;	d , m :.....
Theo yêu cầu:, ngày tháng năm			
Của:; Chúng tôi gồm:			
Đảng kiểm viên của:			
Đã kiểm tra tàu sau khi hoán cải và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			

Phần vỏ:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Phần thượng tầng:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Phần sơn (đánh dấu tàu cá):	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Các tính năng kỹ thuật:			
Tốc độ tự do (hải lý/h):			
Đường kính vòng quay trở:			
Quay phải (m):	Thời gian (s):		
Quay trái (m):	Thời gian (s):		
- Quán tính:			
Tiến, khoảng cách (m):	Thời gian (s):		
Lùi, khoảng cách (m):	Thời gian(s):		

B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG

Máy chính 1:			
Ký hiệu máy:	Số máy:	Công suất (N_e , KW):	
Vòng quay định mức n_e , (vòng/ phút):	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính 2:			
Ký hiệu máy:	Số máy:	Công suất (N_e , KW):	
Vòng quay định mức n_e , (vòng/ phút):	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính.....			
Máy phụ 1:			
Ký hiệu máy:	Công suất, KW:	Số máy:	
Vòng quay định mức, vòng/phút:			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ 2:			
Ký hiệu máy:	Công suất, KW:	Số máy:	
Vòng quay định mức, vòng/phút:			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ.....			
Hệ thống phục vụ máy (van, ống, kết, các bơm ...):			
Kết quả kiểm tra:			

C. HỆ TRỤC CHẤN VỊT

Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

D. CÁC TRANG THIẾT BỊ
Cứu sinh:
Tín hiệu:
Vô tuyến điện:
Hàng hải:
Neo:
Lái:
Cứu hỏa:
Hút khô, chống thùng:
Khai thác:
Điện:
Lạnh:
Các trang thiết bị khác:
Kết quả kiểm tra:

TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA

	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm HĐ
1. Thân tàu			
2. Máy chính, máy phụ			
3. Các trang thiết bị			

YÊU CẦU CỤ THỂ**KẾT LUẬN**

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:

- Trạng thái kỹ thuật:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm HĐ
Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngày.... tháng...năm	Với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:		
Mạn khô, m: ; Sức chở tối đa, tấn:; Số thuyền viên, người:			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			
Kết quả kiểm tra được ghi vào trang		Số Đăng kiểm tàu cá.	
Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản			

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG
MÓI/CẢI HOÁN****ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Mẫu số 4d.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TỪNG PHẦN**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BIÊN BẢN
KIỂM TRA TỪNG PHẦN**

Tên sản phẩm:.....
 Nơi đóng mới/cải hoán:.....
 Theo yêu cầu:..... ; Ngày tháng năm.....
 Của:.....; Chúng tôi gồm:.....
 Đăng kiểm viên của:.....
 Căn cứ vào hồ sơ thiết kế.....và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.
 Kiểm tra từng phần:

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA(*)

.....

YÊU CẦU CỤ THỂ

.....

.....

KẾT LUẬN

.....

.....

- Họ tên, chữ ký của những người có mặt khi kiểm tra:

.....

.....

Biên bản này được lập 03 bản ; chủ cơ sở sản xuất 01 bản, chủ tàu 01 bản, Đăng kiểm tàu cá 01 bản.

ĐĂNG KIỂM VIÊN()***Ghi chú:*

(*) Không giới hạn độ dài trang, cách ghi và cách biểu diễn bằng các bảng, hình vẽ kỹ thuật đối với nội dung và kết quả kiểm tra.

(**) ĐKV theo chuyên môn.

Mẫu số 04đ.BĐ

MẪU BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM NGANG**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: /ĐKTC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM NGANG**

Tên sản phẩm:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thi công:.....

Phương pháp thử

☐ Ống thủy bình/ ☐ Quả dọi**I. KÍCH THƯỚC CHÍNH CỦA TÀU**

- Chiều dài lớn nhất $L_{\max}$ = m
- Chiều dài hai trụ L_{pp} = m
- Chiều rộng lớn nhất $B_{\max}$ = m
- Chiều rộng thiết kế B_{tk} = m
- Chiều cao mạn D = m
- Chiều chìm thiết kế d = m
- Lượng chiếm nước Δ = Tấn

II. THÀNH PHẦN THAM GIA THỬ**1. Đại diện đăng kiểm:**

- -
- -
- -

2. Đại diện thiết kế:

- -
- -

3. Đại diện nhà máy:

- -
- -

4. Chủ tàu:

- -

III. THỜI GIAN THỬ

Từ.....giờ đến.....giờ.....phút, Ngày..... thángnăm.....

IV. ĐỊA ĐIỂM THỬ

Tại :.....Độ sâu nơi thử:

V. THỜI TIẾT

- + Tạnh ráo, nhiệt độ⁰C
- + Tỷ trọng nước:tấn/m³
- + Tốc độ gió: trước, trong và sau khi thử: m/s
- + Tốc độ dòng chảy:m/s

VI. ĐỘ NGHIÊNG BAN ĐẦU

VII. MÓN NƯỚC CỦA TÀU TRƯỚC VÀ SAU KHI THỬ

Món nước (đo tại thước nước)	Mạn trái (m)		Mạn phải (m)	
	Mũi tàu	Lái tàu	Mũi tàu	Lái tàu
- Trước khi thử				
- Sau khi thử				

VIII. GỐC TỌA ĐỘ

- Góc tọa độ của tàu tại :

IX. KHỐI LƯỢNG VẬT DẪN

- Là 04 vị trí vật dẫn: tổng khối lượng là Kg, chia thành 04 nhóm và được đặt trên.....ở các vị trí sau:

Số nhóm vật dẫn	Vị trí các nhóm vật dẫn	Trọng lượng, P (Kg)	Tay đòn dịch chuyển, Xi (m)	Chiều cao trọng tâm tính từ ĐCB, Yi (m)
I				
II				
III				
IV				

- Sai số khi cân mỗi nhóm: $\Delta P = \dots\dots\dots$ Kg

X. THỨ TỰ DI CHUYỂN CÁC NHÓM VẬT DẪN GÂY NGHIÊNG

- Sai số của khoảng cách di chuyển $\Delta Li = \dots\dots\dots$ mm

Thứ tự di chuyển	Số nhóm vật dẫn		Khoảng cách di chuyển vật dẫn (Li)
	Mạn trái	Mạn phải	
0			
1			
2			
3			
.....			

XI. TRỌNG LƯỢNG THỪA

TT	Tên gọi trọng lượng	Vị trí	Trọng lượng, P (Tấn)	Tay đòn (m)		
				X _g	Y _g	Z _g
1	Nhóm vật dẫn I					
2	Nhóm vật dẫn II					
3	Nhóm vật dẫn III					
4	Nhóm vật dẫn IV					
5	Người vận chuyển vật dẫn					
6	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 1					
7	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 2					
8	Thùng nước 1					
9	Thùng nước 2					
10	Chỉ huy thử					
11	Giám sát					
12	Dầu máy					
13	...					

XII. TRỌNG LƯỢNG THIỂU

TT	Tên gọi trọng lượng	Vị trí	Trọng lượng, P (Tấn)	Tay đòn(m)		
				X _g	Y _g	Z _g
1						
2						
.....						

XIV. BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA ỐNG THỦY BÌNH

- a. Ống thủy bình mũi: Vị trí đặt ống thủy bình:
Khoảng cách giữa 2 đầu ống:(m)

Mạn phải:

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
....										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

Mạn trái:

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

- b. Ống thủy bình lái:

Vị trí đặt ống thủy bình:

Khoảng cách giữa 2 đầu ống:(m)

Mạn phải:

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

Mạn trái:

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

XV. BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA QUẢ DỌI

a. Quả dọi mũi: Vị trí đặt quả dọi:

Chiều dài dây dọi:(m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

b. Quả dọi lái: Vị trí đặt quả dọi:

Chiều dài dây dọi:(m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

c. Quả dọi giữa: Vị trí đặt quả dọi:

Chiều dài dây dọi:(m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
1										
2										
....										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

CHỦ TÀU

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

THIẾT KẾ

ĐĂNG KIỂM

Mẫu số 04e.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...



BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN^(*)

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Ký hiệu máy:; Số máy:

Công suất N_e , KW:; Vòng quay định mức n_e , v/ph:

Nơi sản xuất:; Năm sản xuất:

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (v/ph)	Thời gian (phút)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn, °c	Nhiệt độ nước làm mát, °c		Nhiệt độ khí xả, °c	áp lực dầu hộp số kg/cm2	Nhiệt độ dầu hộp số, °c
	% Công suất N _e	ứng với % n _e					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	39	50		15							
3	63	63		15							
4	83	73		15							
5	100	82		2÷4h							
Chạy lùi											
6	85	75		15							
7	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất		Theo thực tế	15							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

ĐẠI DIỆN
HÃNG MÁY

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú: () Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.*

Mẫu số 04g.BĐ

MẪU BIÊN BẢN THỬ ĐƯỜNG DÀI – XUẤT XƯỜNG**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...


BIÊN BẢN THỬ TÀU
(THỬ ĐƯỜNG DÀI – XUẤT XƯỜNG)

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:.....

Chủ tàu:.....

Nơi thường trú:.....

Nơi đóng:.....; Năm đóng:.....

Cơ sở đăng kiểm:.....

Tàu đã hoàn thành các bước kiểm tra kỹ thuật và thử tại bến, nay đủ điều kiện thử đường dài.

Khu vực tiến hành cuộc thử:

Trong điều kiện thời tiết:, Độ sâu, mét:

Hướng dòng chảy:, Cấp gió, Bôfo:

A. THÀNH PHẦN THỬ TÀU GỒM:**1. Đại diện Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....****2. Đại diện chủ tàu:.....****3. Đại diện cơ sở đóng, sửa tàu:.....***** Điều khiển tàu:** Ông..... bằng T. trường số:.....

Ngày cấp bằng:.....; Nơi cấp:.....

*** Phụ trách máy:** Ông..... bằng M. trường số:.....

Ngày cấp bằng:.....; Nơi cấp:.....

Cùng thủy thủ đoàn theo đúng quy định thử tàu.

Tàu chạy thử trong điều kiện đủ phao cứu sinh, dụng cụ chống cháy, chống thùng và các yêu cầu khác, đảm bảo hoạt động, sinh hoạt trong thời gian thử tàu.

B. KẾT QUẢ THỬ TÀU

1. Thân tàu: Đã thử các tính năng (có bảng kết quả kèm theo) và nhận thấy:.....

2. Máy chính và các hệ thống phục vụ máy chính hoạt động:

Nhãn hiệu máy:.....; Công suất, KW:.....; Vòng quay đm, v/ph:.....

Kiểu hộp số:.....; i =

3. Máy phụ:

Nhãn hiệu máy:.....; Công suất, KW:.....; Vòng quay đm, v/ph:.....

Kết quả kiểm tra mục 2 và 3 (có bảng kết quả kèm theo):

4. Hệ trục chân vịt:

Số lượng:.....; Vật liệu trục:.....; đường kính trục (mm) :.....

Chân vịt: D =, mm; Z =; H/D =, $n_{cv} = \dots\dots\dots$ v/ph, $\theta = \dots\dots\dots$

Chiều quay (nhìn từ lái):.....;

Kết quả kiểm tra :.....

5. Hệ thống lái, neo:

Kiểu lái:.....; Truyền dẫn lái:.....; lái dự phòng :.....
 Tời neo, kiểu:.....; Số lượng neo:.....chiếc
 Trọng lượng (kg/chiếc):.....; dây neo, dài:.....m
 Đường kính dây neo, $f =$ mm
 Kết quả kiểm tra mục 4 và 5 (có bảng kết quả kèm theo):

6. Trang bị cứu sinh:

* Phao bè, kiểu, *cái*:.....; Dụng cụ nổi, *cái*:
 Phao tròn, *cái*:.....; Phao áo, *cái*:.....
 * Xuồng cấp cứu, kiểu, *cái*:.....
 Kết quả kiểm tra:

7. Trang bị tín hiệu:

* Đèn tín hiệu: Đèn hành trình (*mạn, cột*).....
 * Đèn đánh cá: Xanh:; Trắng:.....; Đỏ:
 Đèn nháy (màu vàng):.....Đèn pha:
 * Đèn neo (trắng):.....; Đèn "mất khả năng điều động" (màu đỏ), *cái*:.....
 * Âm hiệu : Còi, kiểu, *cái*:.....; Chuông, kiểu, *cái*:.....; Pháo hiệu, *cái*:.....
 * Vật hiệu: Hình cầu, *cái*:.....; Hình nón, *cái*:.....;Hình thoi, *cái*:.....
 Kết quả kiểm tra:

8. Trang bị hàng hải:

* La bàn lái, kiểu, *cái*:.....; ống nhòm, *cái*:.....
 * Ra đa hàng hải, kiểu:.....; số máy:.....
 * Định vị vệ tinh, kiểu:.....; số máy:.....
 * Lò cá, đo sâu, kiểu:.....; số máy:.....
 * Đèn tín hiệu ban ngày:
 Kết quả kiểm tra:

9. Thiết bị VTĐ:

* Máy thu, phát VTĐ, kiểu:.....; Công suất, W :.....; số máy:.....
 * Máy đàm thoại sóng ngắn 02 chiều, kiểu:.....; Công suất, W :.....
 * Các máy VTĐ khác:.....
 Kết quả kiểm tra:

10. Máy khai thác:

* Loại máy:.....; Sức kéo định mức, KG :.....
 Năm, nơi chế tạo:.....
 * Hệ thống động lực dẫn động:.....; Công suất (KW):.....
 * Dụng cụ đánh bắt khác:.....

* Hệ thống tăng gông:.....

* Hệ thống ánh sáng (tổng công suất, KW):.....

Loại đèn, số lượng (cái): :.....

11. Hệ cầu:

* Cầu cầu, kiểu:.....; Tầm với, m:..... Súc nâng, kg:.....

* Pa lăng (cái):; Tải trọng (KW):.....; Ròng rọc (cái):.....

Kết quả kiểm tra mục 10, 11:

.....

12. Thiết bị điện:

* Máy phát điện, kiểu:.....; Vòng quay n_e (v/ph):.....

Công suất, KW:.....; Điện áp (V):.....

* Động cơ điện, kiểu:.....; Vòng quay n_e (v/ph):.....

Công suất, KW:.....; Điện áp (V):.....

* Ấc quy, kiểu:.....; Dung lượng (A/h):.....

Công suất, KW:.....; Điện áp (V):.....

Số lượng bình:

13. Thiết bị lạnh:

* Thiết bị lạnh, kiểu máy:.....; Công suất:.....

Kết quả kiểm tra mục 12, 13:

.....

14. Tính năng kỹ thuật của tàu: (có bảng kết quả kèm theo)

* Tốc độ tự do trung bình (hải lý/giờ):

* Đường kính vòng quay trở: Trái (m) :.....; Thời gian (s):.....

Phải (m) :.....; Thời gian (s):.....

* Quán tính: Tiến, khoảng cách (m) :.....; Thời gian (s):.....

Lùi, khoảng cách(m) :.....; Thời gian, (s):.....

C. KẾT LUẬN

.....

Chúng tôi nhất trí đánh giá :.....

Biên bản này được đọc cho mọi người cùng nghe.

Biên bản được lập thành 04 bản: Đăng kiểm 01 bản, chủ tàu 01 bản, cơ sở đóng tàu 02 bản

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

Mẫu số 04h.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kích thước chính ($L_{\max} \times B_{\max} \times D$):Chiều chìm d , m:; mạn khô f , m:

TT	Vòng quay máy chính, n_e (v/ph)	Công suất máy chính, N_e (KW)	Tốc độ tàu (hl/h)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió	Trạng thái mặt nước (cấp sóng)	Đặc tính sóng		Ghi chú
							Mũi	Đuôi	

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Mẫu số 04i.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUẢN TÍNH TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUẢN TÍNH TÀU**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kích thước chính ($L_{max} \times B_{max} \times D$):Chiều chìm d , m:; mạn khô f , m:

TT	Chế độ	Quãng đường tàu trượt theo quản tính (m, hoặc L_{max})	Thời gian trượt theo quản tính (giây)	Ghi chú
	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			
	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop), lùi nhanh → khi tàu dừng (100% công suất)			
	Tàu chạy lùi toàn tốc, ngừng máy (stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Mẫu số 04k.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC , ngày..... tháng..... năm ...



BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO
TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kích thước chính (Lmax x Bmax x D):

Chiều chìm d, m:; mạn khô f, m:

TT	Hướng quay	Vòng quay máy chính (v/ph)	Công suất máy chính, KW	Cấp gió và hướng gió (bofo)	Đường kính vòng lượn (m)	Thời gian lượn vòng (giây)	Góc nghiêng ngang khi lượn (độ)	Ghi chú
	Phải							
	Trái							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Mẫu số 041.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm ...



BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI(*)

Tên tàu : ; Ký hiệu thiết kế :

Ký hiệu máy : ; Số máy :

Công suất N_e , KW : ; Vòng quay định mức n_e , v/ph :

Nơi sản xuất : ; Năm sản xuất :

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (v/ph)	Thời gian (phút)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm2	Nhiệt độ dầu bôi trơn, °c	Nhiệt độ nước làm mát, °c		Nhiệt độ khí xả, °c	áp lực dầu hộp số kg/cm2	Nhiệt độ dầu hộp số, °c
	% Công suất N _e	ứng với % n _e					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	25	63		15							
3	50	80		15							
4	75	91		15							
5	100	100		4÷6h							
6	110	103		15							
Chạy lùi											
7	100	100		15							
8	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất		Theo thực tế	15							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

ĐẠI DIỆN
HÃNG MÁY

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú: () Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.*

Mẫu số 04m.BĐ

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ CỤM MÁY PHỤ LAI MÁY PHÁT ĐIỆN**

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20..



**BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ CỤM MÁY PHỤ LAI MÁY PHÁT ĐIỆN(*)**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Ký hiệu máy:; Số máy :

Công suất N_e , KW:; Vòng quay định mức n_e , v/ph:

Nơi sản xuất :; Năm sản xuất :

TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (v/ph)	Thời gian (phút)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm2	Nhiệt độ dầu bôi trơn °C	Nhiệt độ nước làm mát, °C	Công suất máy phát (KW)	Dòng điện (A)	Điện áp (V)	Tần số (Hz)
	% Công suất N _e	ứng với % n _e									
1	Chạy không tải			15							
Chạy có tải											
2	50	80		15							
3	75	91		30							
4	100	100		60							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

**ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU**

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

**ĐẠI DIỆN
HÃNG MÁY**

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú: (*)- Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.

- Thử hòa đồng bộ các máy phát, đồng thời thử hoạt động các hệ thống, trang thiết bị, như: Trang thiết bị an toàn, khai thác, hút khô – dằn, cứu hỏa, lái, neo...

--

Mẫu số 04n.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kiểu neo:; Số lượng, chiếc:.....

Trọng lượng, kg/chiếc:

Kiểu tời neo:; Chiều dài dây neo, m:.....

TT	Chế độ thử	Độ sâu nơi đậu (m)	Chiều dài dây neo thả xuống (m)	Tốc độ kéo neo (m/phút)		Ghi chú
				1 neo	2 neo	
	Thả neo					
	Kéo neo					

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Mẫu số 05.BĐ

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGU**

**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC



**GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGU^(*)**

Tên tàu: Số đăng ký: Hồ hiệu:

Chủ tàu: Quốc tịch:

Địa chỉ:

Năm và nơi đóng:

Vật liệu thân, vỏ: ... Tổng dung tích: Trọng tải toàn phần: .. Số thuyền viên: ..

Chiều dài, $L_{\max}$:(m) Chiều rộng, $B_{\max}$:(m) Chiều cao mạn, D :(m)Chiều dài thiết kế, L_{tk} :(m) Chiều rộng thiết kế, B_{tk} :(m) Chiều chìm, d :(m)Tổng công suất máy chính, N_e (KW): Số lượng máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất, N_e (KW)	Năm và nơi chế tạo

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số/ĐKTC, ngày tháng năm

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

- Trạng thái kỹ thuật của tàu:

Cấp tàu	Không hạn chế	Hạn chế I	Hạn chế II	Hạn chế III

Được phép hoạt động tại:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ngàythángnăm

Cấp tại, ngàytháng..... năm.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Mẫu số 06.BĐ

MẪU SỔ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ



**SỔ ĐĂNG KIỂM
TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ**

Số sổ:/20.../ĐKTC-CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀU

Kiểu tàu: Năm đóng:

Nơi đóng:

Công dụng (nghề):

Số lượng thuyền viên:

THÂN TÀUKích thước L_{max}, m ;; B_{max}, m ;; D, m ; L_{TK}, m ;; B_{TK}, m ;; d, m ;Hệ số béo thể tích; Mạn khô f, m ;

Tổng dung tích (GT):; Vật liệu vỏ:

Hệ thống kết cấu:; Tốc độ tàu:h/l/h.

MÁY CHÍNH

Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Máy số 1	Máy số 2	Máy số 3
Ký hiệu máy:			
Số máy:			
Công suất định mức N_e, KW			
Vòng quay định mức $n_e, v/ph$			
Nơi chế tạo:			
Năm chế tạo:			
Kiểu hộp số:			
Tỷ số truyền, tiến: lùi:			

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

- Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu kiểm ngư được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thoả mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
 - Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra và xác nhận vào sổ này.
 - Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu kiểm ngư dùng trong suốt đời con tàu để ghi các thông số chính bao gồm cấp tàu, mạn khô, trang thiết bị, tổng dung tích.
 - Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bán, mất tích).
 - Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu kiểm ngư phải được lưu giữ trên tàu cùng với Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá và các biên bản kiểm tra kỹ thuật do Đăng kiểm tàu cá cấp.
- Cấp tại:.....ngày.....tháng.....năm.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

MÁY PHỤ

TT	Ký hiệu máy	Công suất N_e, KW	Vòng quay v/ph	Công dụng	Nơi chế tạo

THIẾT BỊ ĐẨY TÀU

Đặc tính kỹ thuật	Chân vịt 1	Chân vịt 2	Chân vịt 3
Kiểu:			
Vật liệu chế tạo:			
Vòng quay $n_{cv}, v/ph$:			
Đường kính D_{cv}, m :			
Số cánh Z :			
Khối lượng Kg :			
Tỉ số H/D:			
Tỉ số mặt đĩa θ :			

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè:..... Số lượng:..... Sức chở:..... người
 Dụng cụ nổi:..... Số lượng:..... Số chở:..... người
 Phao tròn: chiếc Phao áo: chiếc

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát:..... Kiểu máy phát:
 Công suất (KW): Điện áp (V):
 Ắc quy loại: dung lượng (Ah): Số lượng: ...

THIẾT BỊ KHÍ NÉN

Ký hiệu máy nén:; Số lượng và dung tích bình:
 Năm và nơi sản xuất:
 Áp suất làm việc: KG/cm^3

THIẾT BỊ KHAI THÁC

Máy khai thác:

Loại máy	Sức kéo định mức (KG)	Năm, nơi chế tạo

Hệ thống động lực dẫn động:

Ký hiệu máy: Công suất (KW):

Lưới: Kích thước:; trọng lượng (KG):

Dụng cụ đánh bắt khác:

Hệ thống tăng gông:

Thiết bị phụ (Trụ ván, pully, con lăn...):

Cầu: Kiểu loại: Số lượng (cái): Vật liệu:

Kết cấu: Tầm với (m):

Tải trọng (KG):; Móc câu (cái):

Pa lẳng (cái):; Tải trọng (KG):; Ròng rọc(cái): ...

Hệ thống ánh sáng: Tổng công suất (KW):

Loại đèn, số lượng (cái):

THIẾT BỊ LẠNH

☐ Máy nén: Số lượng: cái

Áp suất nén: KG/cm^2 Tác nhân lạnh:

Năm và nơi sản xuất:

☐ Bình ngưng Số lượng: cái Dung tích: m^3

Áp suất: KG/cm^2

Năm và nơi sản xuất:

TRANG BỊ CỨU HOÁ

Bơm nước: Số lượng: Lưu lượng: m^3/h

Bình bọt: bình Bình CO_2 : bình

☐ Ròng rọc ☐ Xô mức nước ☐ Cát

☐ Xà beng ☐ Xẻng ☐ Rìu ☐ Bạt

TRANG BỊ HÚT KHÔ/CHỐNG THÙNG

Bơm nước: Số lượng: Lưu lượng: m³/h
 Bơm tay: Số lượng: Lưu lượng: m³/h
☐ Bạt chống thùng ☐ Gỗ chống thùng
☐ Xi măng chống thùng ☐ Đồ nghề và đinh
☐ Phoi xam, dụng cụ xam

TRANG BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

☐ Máy thu phát vô tuyến MF/HF:
☐ Máy thu phát vô tuyến điện thoại cực ngắn MF:
☐ Máy thu phát VHF hai chiều:
☐ Máy thu trực cạnh tần số cấp cứu:
☐ Các thiết bị khác:

TRANG BỊ HÀNG HẢI

☐ La bàn từ ☐ La bàn lái ☐ Sào đo nước
☐ Ống nhòm ☐ Đồng hồ đo nghiêng ☐ Bộ cờ hàng hải
☐ Rada hàng hải ☐ Máy thu định vị vệ tinh GPS
☐ Các thiết bị khác:

TRANG BỊ TÍN HIỆU

☐ Đèn tín hiệu hành trình: ☐ Pháo hiệu:
☐ Đèn tín hiệu đánh cá: ☐ Âm hiệu:
☐ Vật hiệu: ☐ Đèn tín hiệu nhấp nháy:

HÀM HÀNG

Hàm cá: Số lượng: Tổng dung tích: tấn
 Hàm nước: Số lượng: Tổng dung tích: tấn
 Các hàm khác: ☐ Neo..... ☐ Dụng cụ..... ☐ Táp vật.....

THIẾT BỊ NEO - CHÀNG BUỘC

Loại neo: ; Năm, nơi chế tạo:
 Trọng lượng neo: Neo phải: kg Neo trái: kg
 Chiều dài xích neo: Neo phải: m Neo trái: m
 Đường kính xích/cáp neo: mm
 Thiết bị chằng buộc:
 Dây buộc: Loại: Số lượng: Chiều dài: m
 Cột buộc: Kiểu: Số lượng: Vật liệu:

THIẾT BỊ LÁI

Lái chính kiểu:; Lái phụ kiểu:
 Truyền dẫn lái:

ĐẶC TÍNH HÀNG HẢI

- Tốc độ tự do, hải lý/h:
 - Đường kính vòng quay trở:
 Quay phải, m:; Thời gian, s:
 Quay trái, m:; Thời gian, s:
 - Quán tính:
 Tiền, khoảng cách, m:; Thời gian, s:
 Lùi, khoảng cách, m:; Thời gian, s:
Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:
 - Tàu được nhận cấp với ký hiệu dưới đây:

- Trang thái kỹ thuật của tàu:
 - Ngày kiểm tra định kỳ: Ngày tháng năm
 - Được phép hoạt động tại vùng:
 Đến ngày tháng năm phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

Ngày tháng năm
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CÁC THAY ĐỔI THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU HOẶC CÁC TRANG THIẾT BỊ TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC

[illegible]

CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

This image shows a full page of primary-ruled paper. It features 20 evenly spaced horizontal dotted lines across the entire page, providing a guide for handwriting practice. The lines are light gray and extend from the left margin to the right edge of the paper. There are no other markings, text, or illustrations present.

CHI TIẾT CHU KỶ KIỂM TRA

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:

Được phép hoạt động tại vùng:

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*).

Được phép hoạt động tại vùng:

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*)

Được phép hoạt động tại vùng:

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ ngày đến ngày; tại:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:
 Ngày kiểm tra định kỳ: Ngày tháng năm
 Đến ngày tháng năm phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

..... ngày tháng năm
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
 ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
 xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:
 Được phép hoạt động tại vùng:
 Đến ngày tháng năm phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

..... ngày tháng năm
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
 ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
 xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:
 Đến ngày tháng năm phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

..... ngày tháng năm
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
 ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
 xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04
 Được phép hoạt động tại vùng:
 Đến ngày tháng năm phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

..... ngày tháng năm
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra tại hàng năm số
, ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01 :

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ
 ngày đến ngày; tại:

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....

xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Ngày kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra tại hàng năm số
, ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01 :

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ
 ngày đến ngày; tại:

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....

xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Ngày kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ ngày đến ngày; tại:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:

.....

Ngày kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm

Đến ngàythángnămphải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

.....ngàythángnăm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số

....., ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:

Được phép hoạt động tại vùng:

.....

Đến ngàythángnămphải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngàythángnăm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
....., ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*)

Được phép hoạt động tại vùng:

.....

Đến ngàythángnămphải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

.....ngàythángnăm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:

.....

Đến ngàythángnămphải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

.....ngàythángnăm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ(*) đã được thực hiện từ
 ngày đến ngày; tại:

 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Ngày kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm) lại.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà(*)) lại.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
 ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.
 ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
 ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
 Được phép hoạt động tại vùng:

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.
 ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
 ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.
 ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
 ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.
 ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ ngày đến ngày; tại:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:

Ngày kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm

Đến ngàythángnămphải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

..... ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
....., ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)

Được phép hoạt động tại vùng:

Đến ngàythángnămphải đưa tàu vào kiểm tra
(hàng năm/trên đà^(*)) lại.

..... ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:

Được phép hoạt động tại vùng:

Đến ngàythángnămphải đưa tàu vào kiểm tra
(hàng năm/trên đà^(*)) lại.

..... ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số

....., ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*)

Được phép hoạt động tại vùng:

Đến ngàythángnămphải đưa tàu vào kiểm tra
(hàng năm) lại.

..... ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
 ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
 Được phép hoạt động tại vùng:

 Đến ngày tháng năm phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.
 ngày tháng năm
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
 ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:

 Đến ngày tháng năm phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.
 ngày tháng năm
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
 ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:

 Đến ngày tháng năm phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.
 ngày tháng năm
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ ngày
 đến ngày; tại:

 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

 Được phép hoạt động tại vùng:

 Ngày kiểm tra định kỳ: Ngày tháng năm
 Đến ngày tháng năm phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm) lại.
 ngày tháng năm
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CHỦ SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:.....
ngày.....tháng.....năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:.....

.....ngày.....tháng.....năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
, ngày

Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*).
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày

Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Ghi chú: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Phụ lục VII
CÁC BIỂU MẪU VỀ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ,
TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Mẫu số 01.ĐKT: Sổ đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản quốc gia

Mẫu số 02.ĐKT: Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 03.ĐKT: Giấy chứng nhận xuất xưởng

Mẫu số 04.ĐKT: Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu

Mẫu số 05.ĐKT: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

Mẫu số 06.ĐKT: Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá

Mẫu số 07.ĐKT: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 08.ĐKT: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 09.ĐKT: Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 10.ĐKT: Tờ khai xóa đăng ký tàu cá

Mẫu số 11.ĐKT: Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá

Mẫu số 01.ĐKT

**MẪU SỐ ĐĂNG KÝ
TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN QUỐC GIA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



**SỐ ĐĂNG KÝ
TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN QUỐC GIA**

Số số:

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên tàu:..... Hô hiệu:.....
 Chủ tàu:..... Công dụng:.....
 Nơi thường trú:.....

Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu
(Đối với tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	% giá trị cổ phần

Số đăng ký..... Ngày đăng ký.....
 Đơn vị đăng kiểm.....
 Nghề: Chính: Phụ:.....

II. ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT CỦA TÀU

Kiểu tàu: Năm đóng:
 Nơi đóng:
 Vật liệu vỏ: Cấp tàu:
 Chiều dài tàu (m): $L_{\max} =$ Chiều rộng tàu (m): $B_{\max} =$
 $L_{tk} =$ $B_{tk} =$
 Chiều cao mạn (m): $D =$ Chiều chìm trung bình (m): $d =$
 Tổng dung tích (GT): Sức chở tối đa (tấn):
 Tốc độ tự do, *Hải lý/giờ*:; Số lượng thuyền viên, *người*:;
 Số lượng hầm cá:; Hệ thống bảo quản sản phẩm:

Máy chính

Số lượng máy: Tổng công suất (KW): ..
 * Máy số 1: Ký hiệu: Số máy: Công suất (KW) Vòng quay
 * Máy số 2: Ký hiệu: Số máy: Công suất (KW) Vòng quay
 * Máy số 3: Ký hiệu: Số máy: Công suất (KW) Vòng quay
Máy phụ: Ký hiệu:; Số máy:;
 Công suất (KW); Vòng quay:

Thời hạn đăng ký:
, ngày tháng năm ...

NGƯỜI LẬP

XÓA ĐĂNG KÝ

Ngày xóa đăng ký:

Lý do xóa đăng ký:

Mẫu số 02.ĐKT

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản
 với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Cảng đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Sức chở tối đa, tấn:Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, KW	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

Mẫu số 03.DKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng...năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

Tên sản phẩm:.....

Nơi đóng:.....

Địa chỉ:.....

Năm đóng:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (KW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

Mẫu số 04.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng...năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:.....

Nơi cải hoán, sửa chữa:.....

Địa chỉ:.....

Năm cải hoán tàu:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (KW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

Mẫu số 05.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

N^o

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)

REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL/SHIPS DUTY FISHERIES^(*)
(**)....

Chứng nhận tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:

Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries^() with the following specifications has been registered into The Vietnam National Vessel Registration Book:*

Tên tàu:	Hồ hiệu:		
<i>Name of Vessel</i>	<i>Signal Letters</i>		
Chủ tàu:	Nơi thường trú:		
<i>Vessel owner</i>	<i>Residential Address</i>		
Kiểu tàu:	Công dụng (nghề):		
<i>Type of Vessel</i>	<i>Used for (fishing gear)</i>		
Tổng dung tích, GT:	Trọng tải toàn phần:		
<i>Gross Tonnage</i>	<i>Dead weight</i>		
Chiều dài L _{max} , m:	Chiều rộng B _{max} , m:		
<i>Length overal</i>	<i>Breadth overal</i>		
Chiều dài thiết kế L _{tk} , m:	Chiều rộng thiết kế B _{tk} , m:		
<i>Length</i>	<i>Breadth</i>		
Chiều cao mạn D, m:	Chiều chìm d, m:		
<i>Draught</i>	<i>Depth</i>		
Vật liệu vỏ:	Tốc độ tự do hl/h:		
<i>Materials</i>	<i>Speed</i>		
Năm và nơi đóng:			
<i>Year and Place of Build</i>			
Số lượng máy:	Tổng công suất (KW):		
<i>Number of Engines</i>	<i>Total power</i>		
Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (KW)	Năm và nơi chế tạo
<i>Type of machine</i>	<i>Number engines</i>	<i>Power</i>	<i>Year and place of manufacture</i>
.....			
.....			
Cảng đăng ký:	Cơ sở đăng kiểm tàu cá:		
<i>Port Registry</i>	<i>Register of Vessels</i>		
Số đăng ký:			
<i>Number or registry</i>			
Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ^(***) :	Cấp tại ..., ngày ...tháng... năm.....		
.....	<i>Issued at</i> <i>Date</i>		
<i>This certificate is valid until</i>			

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU^(**)**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp;

(**) Tên cơ quan đăng ký: - Tổng cục Thủy sản (Directorate of Fisheries);

- Chi cục Thủy sản tỉnh (..... Department Fisheries).

(***) Ghi thời hạn theo thời hạn thuê tàu trần đối với trường hợp thuê tàu trần,
không thời hạn đối với các trường hợp khác.

(****) Đối với trường hợp tàu thuộc sở hữu nhiều chủ.

Mẫu số 06.ĐKT

MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số sổ:.....

Năm.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Tên tàu cá:

Số đăng ký:

Nơi đăng ký:

Chủ tàu cá:

Nơi thường trú::

Ngày tháng.....năm.....

CHỦ TÀU

Năm.....

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Họ và tên	Số CMTND/căn cước công dân; Ngày cấp, nơi cấp	Chức danh	Số văn bằng, chứng chỉ	Ghi chú

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Khi có sự thay đổi thuyền viên tàu cá phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

CHỨNG THỰC TÀU CÁ RỜI, CẬP CẢNG CÁ

Rời cảng cá	Cập cảng cá	Ghi chú
Ngày.....tháng.....năm..... Gồm:.....người Nhận xét:..... Cơ quan xác nhận* (Ký tên và đóng dấu)	Ngày.....tháng.....năm..... Gồm:.....người Nhận xét:..... Cơ quan xác nhận* (Ký tên và đóng dấu)	
Ngày.....tháng.....năm..... Gồm:.....người Nhận xét:..... Cơ quan xác nhận* (Ký tên và đóng dấu)	Ngày.....tháng.....năm..... Gồm:.....người Nhận xét:..... Cơ quan xác nhận* (Ký tên và đóng dấu)	

* Cơ quan xác nhận: Chi cục Thủy sản hoặc tổ chức quản lý cảng cá nơi tàu cập và rời cảng.

Mẫu số 07.ĐKT

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)**

Kính gửi:

Họ tên người khai:.....

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:.....

Cảng đăng ký:.....

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Sức chở tối đa, tấn:Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, KW	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân	Giá trị cổ phần

3. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đúng sự thật.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

Mẫu số 08.ĐKT

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)**
Declaration for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries^()*

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản)^(**)
To: (Name of competent authority registration of fishing vessel, ships duty fisheries)

Người đề nghị:.....

Applicant

Nơi thường trú:

Residential Address:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) với nội dung dưới đây:

Kindly for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries^() with the following particulars:*

1. Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu:

Basic specifications of ship

Tên tàu: Hồ hiệu:

Name of Vessel *Call sign*

Kiểu tàu: Vật liệu:

Type of Vessel *Materials*

Công dụng/nghề:

Used for/fishing gears

Năm và nơi đóng
Year and Place of Build

Chiều dài lớn nhất L_{max} Chiều dài thiết kế L_{tk}

Length overall *Length*

Chiều rộng lớn nhất B_{max} Chiều rộng thiết kế B_{tk}

Breadth overall *Breadth*

Chiều cao mạn D Chiều chìm d

Draught *Depth*

Tổng dung tích: Trọng tải:

Gross tonnage (GT) *Deadweight (DW)*

Số lượng máy Tổng công suất.....

Number of engines *Total Power*

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):*The name, address and value of shares of each ownership*

TT	Họ và tên <i>Full name</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Chứng minh nhân dân <i>Identification card</i>	Giá trị cổ phần <i>Equity value</i>

3. Lý do xin đăng ký tạm thời tàu:*Reasons to temporary registration of ship*

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

I pledge to use the vessel in accordance with the registered content and strictly comply with the provisions of the law of the Vietnamese.

....., ngày tháng năm

Date.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (note):

()*: Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

*(**)*: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp đăng ký tàu cá trên địa bàn; Tổng cục Thủy sản cấp đăng ký tàu công vụ thủy sản.

Mẫu số 09.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

N^o

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)

Certificate of temporary registration of import Fishing Vessel/ships duty fisheries^()*
(**).....

Chúng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký:
Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries^() with the following specifications has been temporarily registered*

Tên tàu: <i>Name of Vessel</i>	Hô hiệu: <i>Signal Letters</i>
Chủ tàu: <i>Vessel owner</i>	Nơi thường trú: <i>Residential Address</i>
Kiểu tàu: <i>Type of Vessel</i>	Công dụng (nghề): <i>Used for (fishing)</i>
Tổng dung tích, GT: <i>Gross Tonnage</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Chiều dài L _{max} , m: <i>Length overal</i>	Chiều rộng B _{max} , m: <i>Breadth overal</i>
Chiều dài thiết kế L _{tk} , m: <i>Length</i>	Chiều rộng thiết kế B _{tk} , m: <i>Breadth</i>
Chiều cao mạn D, m: <i>Draught</i>	Chiều chìm d, m: <i>Depth</i>
Vật liệu vỏ: <i>Materials</i>	Tốc độ tự do hl/h: <i>Speed</i>
Năm và nơi đóng: <i>Year and Place of Build</i>	
Số tượng máy: <i>Number of Engines</i>	Tổng công suất (KW): <i>Total power</i>
Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Công suất (KW) <i>Power</i>
Số máy <i>Number engines</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufa</i>
.....	
Nơi đăng ký: <i>Place Registry</i>	Cơ sở đăng kiểm tàu cá: <i>Register of Vessels</i>
Số đăng ký: <i>Number or registry</i>	Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày <i>This certificate is valid until</i>

Cấp tại ..., ngàytháng... năm.....
Issued at Date

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ T
 (Ký tên và đóng dấu)

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp;
Remove the wrong place

(**) Tên cơ quan đăng ký

Mẫu số 10.ĐKT

MẪU TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness****TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi:(1)

Đề nghị xóa đăng ký...(2)... với các thông số dưới đây kể từ ngày .../.../20..

Kindly deregister the with the following particulars from date

Tên(3)..... Hô hiệu/số IMO:

*Name**Call sign/IMO number*

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):

Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ):

Applicant (name, address)

Nơi đăng ký:

Place of registry

Số đăng ký:; Ngày đăng ký:

*Number of registration**Date of registration*

Cơ quan đăng ký:

The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký

Reasons to deregister

....., ngày ... tháng ... năm...

*Date***CHỦ SỞ HỮU***Owner***Ghi chú (Note):****(1) Tên cơ quan đăng ký***The ship Registration office***(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản***Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)***(3) Tên phương tiện***Name of transport facility*

Mẫu số 11.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom – Happiness****GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ*****Certificate of deregistration of Fishing Vessel***

.....(1) Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được xóa
đăng ký trong Sổ đăng ký tàu cá quốc gia:

... .. Hereby certify that the ship with the following particulars has been deregistered
from the Viet Nam National ships registration book:

Tên(3)..... Hồ hiệu/Số IMO:

Name

Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu tàu):

Owner (name, address, ratio of ownership)

Số GCN đăng ký:

Number of registration

Ngày đăng ký:

Date of registration

Cơ quan đăng ký:

The Registrar of ship

Người đề nghị (tên, địa chỉ):

Applicant (name, address)

Lý do xóa đăng ký

Reasons to deregister

Ngày có hiệu lực xóa đăng ký:

Date of deregist

Số đăng ký: Cấp tại, ngày tháng năm

Number of registration

Issued at, on

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU*Full name, signature of duly authorized official***Ghi chú (Note):**

(1) Tên cơ quan đăng ký (2) Loại tàu đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản
The ship Registration office Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)

(3) Tên tàu
Name of transport facility

Phụ lục VIII
CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT TÊN TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Stt	Địa phương	Viết tắt	STT	Địa phương	Viết tắt
01	An giang	AG	33	Kiên Giang	KG
02	Bà Rịa - Vũng Tàu	BV	34	Kon Tum	KT
03	Bạc Liêu	BL	35	Lai Châu	LC
04	Bắc Kạn	BK	36	Lạng Sơn	LS
05	Bắc Giang	BG	37	Lâm Đồng	LĐ
06	Bắc Ninh	BN	38	Long An	LA
07	Bến Tre	BT	39	Lào Cai	LCa
08	Bình Dương	BD	40	Nam Định	NĐ
09	Bình Định	BĐ	41	Nghệ An	NA
10	Bình Phước	BP	42	Ninh Bình	NB
11	Bình Thuận	BTh	43	Ninh Thuận	NT
12	Cà Mau	CM	44	Phú Thọ	PT
13	Cần Thơ	CT	45	Phú Yên	PY
14	Cao Bằng	CB	46	Quảng Bình	QB
15	Đà Nẵng	ĐNa	47	Quảng Nam	QNa
16	Đắk Lắk	ĐL	48	Quảng Ngãi	QNg
17	Đắk Nông	ĐNo	49	Quảng Ninh	QN
18	Điện Biên	ĐB	50	Quảng Trị	QT
19	Đồng Nai	ĐN	51	Sóc Trăng	ST
20	Đồng Tháp	ĐT	52	Sơn La	SL
21	Gia Lai	GL	53	Tây Ninh	TN
22	Hà Giang	HG	54	Thái Bình	TB
23	Hà Nội	HN	55	Thái Nguyên	TNg
24	Hà Nam	HNa	56	Thanh Hoá	TH
25	Hà Tĩnh	HT	57	Thừa Thiên-Huế	TTH
26	Hải Dương	HD	58	Tiền Giang	TG
27	Hải Phòng	HP	59	Trà Vinh	TV
28	Hậu Giang	HGi	60	Tuyên Quang	TQ
29	Hoà Bình	HB	61	Vĩnh Long	VL
30	T.P Hồ Chí Minh	SG	62	Vĩnh Phúc	VP
31	Hung Yên	HY	63	Yên Bái	YB
32	Khánh Hoà	KH			

Phụ lục IX
SỐ HIỆU TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Đơn vị/Tỉnh	Nhóm ký tự thứ hai
Chi cục Kiểm ngư Vùng I	1xx
Chi cục Kiểm ngư Vùng II	2xx
Chi cục Kiểm ngư Vùng III	3xx
Chi cục Kiểm ngư Vùng IV	4xx
Chi cục Kiểm ngư Vùng V	5xx
Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	xxx

Ghi chú: - xx là số thứ tự của tàu từ số 01 đến 99.

- xxx là số thứ tự của tàu từ số 001 đến 999.

Phụ lục X
CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Mẫu số 01.BC: Báo cáo tình hình đăng ký tàu cá

Mẫu số 02.BC: Sổ quản lý kỹ thuật tàu cá

Mẫu số 03.BC: Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu kiểm ngư

Mẫu số 04.BC: Báo cáo tình hình đăng kiểm tàu cá, tàu kiểm ngư theo định kỳ, đột xuất

Mẫu số 05.BC: Báo cáo tình hình đóng mới, cải hoán tàu cá theo định kỳ, đột xuất.

Mẫu số 01.BC

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

**SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc
....., ngàytháng...năm 20...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ TÀU CÁ THÁNG

TT	Nhóm tàu	Tổng số tàu	Số lượng tàu cá theo nghề						Tổng số tàu cá đã đăng ký (đến thời điểm báo cáo)	Ghi chú
			Kéo	Vây	Rê	Câu	Chụp	Hậu cần	Khác	
1	$L_{\max} < 6m$									
2	$L_{\max}$ từ 6 ÷ < 12m									
3	$L_{\max}$ từ 12 ÷ < 15m									
4	$L_{\max}$ từ 15 ÷ < 20m									
5	$L_{\max}$ từ 20 ÷ < 24m									
6	$L_{\max}$ từ 24 ÷ < 30m									
7	$L_{\max}$ từ ≥ 30m									
Tổng cộng										

Người lập

 Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02.BC

MẪU SỔ QUẢN LÝ KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ



**SỔ QUẢN LÝ KỸ THUẬT
TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ**

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ.....

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG SỐ

- Số quản lý kỹ thuật tàu cá/tàu kiểm ngư này được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
- Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm viên xác nhận vào sổ này.
- Số quản lý kỹ thuật tàu cá/tàu kiểm ngư dùng để theo dõi suốt đời mỗi con tàu. Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, mất tích).
- Số quản lý kỹ thuật tàu cá/tàu kiểm ngư phải được lưu giữ tại Cơ sở đăng kiểm; khi tàu cá thay đổi nơi đăng kiểm, phải được Cơ sở đăng kiểm trước đó trích lục và xác nhận, chuyển các thông tin về tàu cho chủ tàu để cập nhập vào sổ quản lý kỹ thuật của đơn vị đăng kiểm mới.

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

TÀU SỐ 01

I. ĐẶC ĐIỂM VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU

Tên tàu:.....; Số đăng ký:
 Năm và nơi đóng:
 Nơi đăng ký:
 Chủ tàu:
 Địa chỉ:
 Cấp tàu:
 Kỹ thuật L_{max}, m:.....; B_{max}, m:.....; D, m:.....
 L_{TK}, m:.....; B_{TK}, m:.....; d, m:.....
 Mạn khô f, m:
 Tổng dung tích (GT):
 Vật liệu thân tàu:
 Hệ thống kết cấu:
 Số lượng máy chính:
 Tổng công suất (KW):

Ký hiệu	Số máy	Công suất (KW)	Số vòng quay (v/ph)	Năm, nơi chế tạo

Hộp số:

Ký hiệu	Tỷ số truyền (tiền, lùi)	Nơi, năm chế tạo

Chân vịt:

Kiểu	Vật liệu	n _{cv} (v/ph)	D (m)	H/D	Z	θ	m (kg)

II. CÁC TRANG THIẾT BỊ LẮP ĐẶT TRÊN TÀU

1. Tên thiết bị:	Nơi, năm sản xuất:
Ký hiệu:	Số:
Công suất (KW):	Công dụng:
Đặc điểm và các thông số khác	
.....	
.....	
2. Tên thiết bị:	Nơi, năm sản xuất:
Ký hiệu:	Số:
Công suất (KW):	Công dụng:
Đặc điểm và các thông số khác	
.....	
.....	
3. Tên thiết bị:	Nơi, năm sản xuất:
Ký hiệu:	Số:
Công suất (KW):	Công dụng:
Đặc điểm và các thông số khác	
.....	
.....	
4. Tên thiết bị:	Nơi, năm sản xuất:
Ký hiệu:	Số:
Công suất (KW):	Công dụng:
Đặc điểm và các thông số khác	
.....	

5. Tên thiết bị:	Nơi, năm sản xuất:
Ký hiệu:	Số:
Công suất (KW):	Công dụng:
Đặc điểm và các thông số khác	
.....	
.....	
6. Tên thiết bị:	Nơi, năm sản xuất:
Ký hiệu:	Số:
Công suất (KW):	Công dụng:
Đặc điểm và các thông số khác	
.....	
.....	
7. Tên thiết bị:	Nơi, năm sản xuất:
Ký hiệu:	Số:
Công suất (KW):	Công dụng:
Đặc điểm và các thông số khác	
.....	
.....	

Ngày tháng năm
ĐĂNG KIỂM VIÊN

IV. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

[illegible]This image shows a full page of primary-ruled notebook paper. It features multiple horizontal rows, each consisting of a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line. The rows are evenly spaced across the entire page, providing a guide for letter height and placement. There are no margins, text, or other markings on the paper.

V. CHỦ SỞ HỮU

Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Nơi đăng kiểm:.....

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

VI. THAY ĐỔI CHỦ SỞ HỮU

Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Nơi đăng kiểm:.....

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Nơi đăng kiểm:.....

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Nơi đăng kiểm:.....

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Nơi đăng kiểm:.....

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Mẫu số 03.BC

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
ĐƠN VỊ BÁO CÁO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ
THEO THÁNG/QUÝ/NĂM

TT	Tên/ Ký hiệu thiết kế	Loại/ năm thiết kế	Các thông số chính của tàu					Tên/địa chỉ sử dụng thiết kế	Tên/địa chỉ cơ sở thiết kế
			Chiều dài tàu, L _{max} (m)	Chiều rộng tàu, B _{max} (m)	Chiều cao mạn,D (m)	Vật liệu thân tàu	Ký hiệu/công suất máy chính (KW)	Số lượng máy (chiếc)	Công dụng (nghề)
I	Tàu cá								
1	...								
II	Tàu kiểm ngư								
	...								

ĐƠN VỊ BÁO CÁO
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04.BC

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ THEO THÁNG/QUÝ/NĂM

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂMCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngàythángnăm 20...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU KIỂM NGƯ THEO THÁNG/QUÝ/NĂM

TT	Nhóm tàu	Tổng số tàu phải đăng kiểm	Số tàu theo vật liệu vỏ		Số tàu đóng mới/ lần đầu		Hàng năm			Trên đà			Định kỳ			Cải hoán(*)		
			Gỗ	Thép	FRP	Gỗ	Thép	FRP	Gỗ	Thép	FRP	Gỗ	Thép	FRP	Gỗ	Thép	FRP	
I	Tàu cá																	
1	Lmax < 12m																	
2	Lmax từ 12 ÷ < 15m																	
3	Lmax từ 15 ÷ < 20m																	
4	Lmax từ 20 ÷ < 24m																	
5	Lmax từ 24 ÷ < 30m																	
6	Lmax từ ≥ 30m																	
II	Tàu kiểm ngư																	
2	Lmax < 12m																	
...																		
Tổng Cộng																		
Người lập		Thủ trưởng cơ sở đăng kiểm tàu cá (Ký tên, đóng dấu)																

Ghi chú: (*) Định kèm chi tiết hình thức cải hoán.

Mẫu số 05.BC

**MẪU BÁO CÁO
TÌNH HÌNH ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm...

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Giấy phép kinh doanh số:

Báo cáo về tình hình đóng mới, cải hoán, sửa chữa tàu cá như sau:

1. Về cơ cấu tổ chức

2. Cơ sở vật chất, đội ngũ lao động

a) Cơ sở vật chất (sơ đồ cơ sở chế tạo, văn phòng làm việc, nhà xưởng, nhà kho)

b) Trang thiết bị cần thiết liên quan đến sản xuất, các thiết bị đo và kiểm tra và tình trạng hoạt động của chúng

c) Danh sách các nhân viên kỹ thuật, cán bộ giám sát và người lao động (trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chương trình đào tạo đã tham gia, các chứng chỉ đã được cấp).

3. Danh sách tàu cá đóng mới, cải hoán, sửa chữa trong năm

(ghi cụ thể tên chủ tàu, số đăng ký (nếu có), vật liệu đóng, các thông số cơ bản, công suất máy chính của mỗi tàu)

a) Đóng mới

b) Cải hoán: Sửa vỏ, thay máy, chuyển đổi nghề (từ nghề... sang nghề ...), thay đổi vùng hoạt động (từ cấp ... sang cấp...).

c) Sửa chữa: Hàng năm, trên đà, định kỳ, sửa chữa khác (ghi cụ thể).

4. Các công việc do nhà thầu phụ thực hiện và danh sách các nhà thầu phụ.

5. Kiến nghị, đề xuất.

....., ngày ... tháng năm....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký tên, đóng dấu)

Chú thích: Các mục 1 và 2, chỉ báo cáo khi có sự thay đổi so với khi đăng ký công nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá hoặc thay đổi so với báo cáo trước đó.